

ĐỀ ÁN

Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

PHẦN I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mở ra nhiều cơ hội, đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức đối với mỗi quốc gia, tổ chức và cá nhân. Nhiều quốc gia đang phát triển đã phát huy tính tích cực của cuộc cách mạng này để thúc đẩy mạnh mẽ các lĩnh vực của đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng.

- Tại Việt Nam, chuyển đổi số tại các cơ quan nhà nước, trong các ngành, lĩnh vực đã bắt đầu diễn ra nhưng chưa mang tính toàn diện, rộng rãi và chuẩn hóa. Chính phủ và chính quyền các cấp đã và đang xây dựng chính phủ điện tử/chính quyền điện tử. Một số thành phố/đô thị đã bước đầu ban hành đề án/kế hoạch và triển khai xây dựng thành phố thông minh.

- Ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0. Ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” để triển khai Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 50/NQ-CP của Chính phủ. Vừa qua, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chiến lược quốc gia về CMCN 4.0 đến năm 2030 tại Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020, Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 tại Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030.

- Chuyển đổi số là một nội dung, giải pháp chính để chủ động tham gia CMCN 4.0; trước mắt là để chính phủ, chính quyền, doanh nghiệp, xã hội không tụt hậu hoặc thậm chí phá sản; mà có thể tận dụng được xu thế, công nghệ cho phát triển thịnh vượng, thay đổi thứ hạng. Chương trình Chuyển đổi số quốc gia xác định tầm nhìn đến năm 2030 là “Việt Nam trở thành quốc gia số, ổn định và

thịnh vượng, tiên phong và thử nghiệm các mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp” với mục tiêu kép là “vừa phát triển Chính phủ số, Kinh tế số, Xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu”.

- Đồng thời Chương trình xác định: Chuyển đổi toàn bộ hoạt động của cơ quan nhà nước lên môi trường số; coi chuyển đổi số là bắt buộc, mang tính mặc định; Cơ quan nhà nước sử dụng công nghệ số và dữ liệu số để ra quyết định, kiến tạo phát triển và quản lý kinh tế - xã hội hiệu quả hơn, dẫn dắt phát triển kinh tế số, xã hội số; Phát triển Chính phủ số gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an toàn, an ninh mạng và bảo vệ chủ quyền số quốc gia.

- Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tập trung triển khai chuyển đổi số trên 03 trụ cột Chính phủ số, Kinh tế số, Xã hội số và 08 lĩnh vực ưu tiên gồm y tế; giáo dục; tài chính - ngân hàng; nông nghiệp; giao thông vận tải và logistics; năng lượng; tài nguyên và môi trường; và sản xuất công nghiệp; xác định 05 nhóm nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số (bao gồm: Chuyển đổi nhận thức; Kiến tạo thể chế, Phát triển hạ tầng số; Phát triển nền tảng số; An toàn, an ninh mạng; Hợp tác quốc tế, nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo) và các nhiệm vụ giải pháp phát triển Chính phủ số, Kinh tế số, Xã hội số và 08 lĩnh vực ưu tiên; đồng thời đưa ra các mục tiêu lớn như sau:



Hình 1: 03 trụ cột và mục tiêu lớn trong Chương trình Chuyển đổi số quốc gia

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Văn bản Trung ương

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

- Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

- Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025; Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

- Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP của Chính phủ ngày 17/4/2020 ban hành chương trình hành động của chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-TW, Ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0;

- Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

- Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

- Căn cứ Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

- Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Công văn số 2390/BTTTT-THH ngày 29/6/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc triển khai Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Văn bản của tỉnh

- Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 25/02/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu về chương trình chuyển đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Kế hoạch hành động số 1275/KH-UBND ngày 05/7/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025;

- Căn cứ Kế hoạch số 1198/KH-UBND ngày 15/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Lai Châu, giai đoạn 2021 - 2025 và 2026 - 2030;

- Căn cứ Kế hoạch số 1344/KH-UBND ngày 06/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Phát triển thương mại điện tử tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025.

III. PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Phạm vi thực hiện

Trên địa bàn toàn tỉnh Lai Châu.

2. Thời gian thực hiện

Đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

PHẦN II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TỈNH

I. THỰC TRẠNG

1. Về cơ chế, chính sách và tuyên truyền, nâng cao nhận thức liên quan đến chuyển đổi số

a. Kết quả thực hiện

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Lai Châu, phiên bản 2.0 tại Quyết định số 1509/QĐ-UBND đóng vai trò dẫn dắt, định hướng trong công tác xây dựng CQĐT; tổ chức triển khai áp dụng và tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn do các bộ, ngành Trung ương ban hành, đặc biệt là kết nối, chia sẻ dữ liệu, bảo đảm việc triển khai các hệ thống thông tin tương thích, kế thừa, đồng bộ và hiệu quả. Ban hành các quy chế, quy định cho quản lý, khai thác, vận hành cho từng hệ thống thông tin, ứng dụng cụ thể để bảo đảm phối hợp khai thác, sử dụng hiệu quả, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

- Tỉnh cũng đã ban hành nhiều kế hoạch, chương trình, đề án về ứng dụng và phát triển CNTT, xây dựng CQĐT, TPTM, tiêu biểu như: Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin tỉnh Lai Châu, giai đoạn 2021-2025 và các kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm; Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025; Kế hoạch Lộ

trình thực hiện triển khai xây dựng và phát triển thành phố Lai Châu trở thành thành phố thông minh giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030... trong đó xác định cụ thể mục tiêu, lộ trình, phân công trách nhiệm, nhiệm vụ giao các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện.

- Chủ tịch tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, giao thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo nhiệm vụ ứng dụng và phát triển CNTT, xác định ứng dụng CNTT là “công cụ lõi” để nâng cao hiệu quả hoạt động trong công tác quản lý tại đơn vị mình trong điều kiện tinh giản biên chế, tinh gọn bộ máy; chỉ đạo đưa kết quả ứng dụng CNTT của cơ quan, địa phương thành một trong các tiêu chí để đánh giá thi đua - khen thưởng của người đứng đầu cũng như của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Hàng năm, đã triển khai tuyên truyền, đăng tải nhiều tin, bài viết, phóng sự trên Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh, các Trang thông tin điện tử chuyên ngành, các cơ quan thông tấn, báo chí và các phương tiện truyền thông khác; tập trung vào hướng dẫn các quy định, phổ biến hiệu quả, lợi ích, kết quả đạt được trong xây dựng CQĐT, TPTM; các ứng dụng, tiện ích thông minh mang đến cho người dân...

b. Khó khăn, hạn chế

- Trong điều kiện tinh giản biên chế và yêu cầu nhiệm vụ ngày càng tăng, nhưng một số thủ trưởng cơ quan chưa chủ động chỉ đạo, ưu tiên nguồn lực, gương mẫu triển khai ứng dụng CNTT; mức độ quan tâm đối với các ứng dụng CNTT thường ở mức “Có cũng được” mà chưa phải là “Nhất thiết phải có”, thậm chí không chủ động đưa ra các nhu cầu về CNTT cho cơ quan chuyên ngành triển khai hoặc đề xuất UBND tỉnh. Vẫn còn cán bộ, công chức không thực sự sẵn sàng thay đổi lề lối, phương thức làm việc qua ứng dụng CNTT, qua mạng, qua nền tảng số.

- Các vấn đề liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn chưa có hướng dẫn thống nhất từ Trung ương, chưa có sự phối hợp tốt giữa các Bộ, ngành liên quan như: Thông tin và Truyền thông, Xây dựng, Khoa học Công nghệ; Giao thông Vận tải; Giáo dục và Đào tạo; Y tế... Một số văn bản chưa theo kịp xu thế công nghệ mới¹, cản trở việc áp dụng công nghệ 4.0, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho chuyển đổi số.

- Một số văn bản hiện hành của Bộ, ngành Trung ương quy định không chia sẻ dữ liệu với ngành khác và địa phương.

¹ Công nghệ mới: Khoản 4 Điều 2 Luật chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 quy định về khái niệm công nghệ mới như sau: “4. Công nghệ mới là công nghệ lần đầu tiên được tạo ra hoặc ứng dụng tại Việt Nam hoặc trên thế giới, có trình độ cao hơn trình độ công nghệ cùng loại hiện có tại Việt Nam, thân thiện với môi trường, có tính ứng dụng trong thực tiễn và khả năng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.”

- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP về chia sẻ dữ liệu ban hành năm 2020, chưa có văn bản hướng dẫn nên chưa phát huy hiệu quả áp dụng, thậm chí một số nội dung không thể triển khai trên thực tế.

2. Về hạ tầng số

a. Kết quả thực hiện

- Mạng viễn thông dùng riêng bảo đảm thông tin chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Trung ương Đảng và Nhà nước đến Lai Châu. Hạ tầng sử dụng chung hạ tầng của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT). Mạng này sử dụng cáp quang có các tuyến kết nối qua Lào Cai. Thiết bị định tuyến (Router) đặt tại Viễn thông Lai Châu, sau đó kéo cáp quang đến các cơ quan Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện; Đồng thời hạ tầng mạng diện rộng (WAN) đã triển khai kết nối với các đơn vị, cơ quan Đảng Ủy qua hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng.

- Tỉnh đã đầu tư mạng viễn thông dùng riêng (Mạng truyền số liệu chuyên dùng) kết nối tới 95% các sở, ban, ngành tỉnh; 100% UBND huyện, thành phố; 100% UBND xã, phường, thị trấn, tốc độ trung bình 20Mbps. Hệ thống hợp trục tuyến được triển khai liên thông 03 cấp từ UBND tỉnh đến UBND xã, phường, thị trấn với 132 điểm cầu, đạt: 92,85% liên thông 2 cấp từ UBND tỉnh đến sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố (26 sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố). 100% liên thông 3 cấp từ UBND huyện đến UBND xã, phường, thị trấn (106 xã/106 xã).

- Mạng cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh trong những năm qua đã được các doanh nghiệp đặc biệt quan tâm và đầu tư, đã đáp ứng được cơ bản nhu cầu lắp đặt điện thoại của nhân dân và chính quyền địa phương. Hạ tầng mạng cáp viễn thông, phát thanh truyền hình (cồng bễ, cột treo cáp) trên địa bàn tỉnh hiện nay chủ yếu do Viễn thông Lai Châu, Chi nhánh Viettel Lai Châu, Truyền hình Cáp Việt Nam chi nhánh Lai Châu xây dựng và quản lý. Toàn tỉnh có khoảng 3.060 km cáp trong đó có khoảng 2.910 km cáp treo chiếm tỷ lệ khoảng 95,1%; 150 km cáp ngầm chiếm tỷ lệ khoảng 4,9%.

- Hiện tại, trên địa bàn tỉnh có 4 mạng thông tin di động bao gồm Vinaphone, MobiFone, Viettel, Vietnam Mobile với tổng số 556 vị trí cột thu phát sóng, bán kính phục vụ bình quân đạt 2,3 km/cột.

- Hạ tầng mạng thông tin di động trên địa bàn tỉnh hiện tại được xây dựng, phát triển theo 3 công nghệ chính: 2G, 3G và 4G. Trạm 2G chiếm tỷ lệ 32,7%, trạm 3G chiếm tỷ lệ 33,9% và trạm 4G chiếm tỷ lệ 33,4%. Các nhà mạng di động đã phủ sóng di động 2G/3G/4G đến 100% các xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh, 96% số bản được phủ sóng 2G, 92% số bản được phủ sóng 3G, 76% số bản được phủ sóng 4G, đảm bảo cung cấp kết nối mạng mọi lúc, mọi nơi, với 1.857 trạm

phát sóng thông tin di động.

- Trung tâm dữ liệu tỉnh đã được xây dựng đáp ứng theo tiêu chuẩn TCVN 9250:2012, triển khai mô hình “4 lớp” an toàn thông tin theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ, kết nối, chia sẻ dữ liệu giám sát an toàn thông tin với Trung tâm Giám sát không gian mạng quốc gia.

- Trang bị máy tính cho cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện đảm bảo 100%; Cán bộ, công chức cấp xã đạt 87.40%. 100% các cơ quan, đơn vị đã kết nối mạng LAN.

- Toàn tỉnh hiện có 97 đài truyền thanh đạt tỉ lệ 92% xã, phường, thị trấn có đài truyền thanh không dây, đảm bảo phủ sóng 90% số hộ gia đình trên địa bàn tỉnh.

b. Khó khăn, hạn chế

- Tuy sóng di động đã phủ đến 100% xã, nhưng do địa hình phức tạp, chủ yếu là đồi núi, một số khu vực vẫn còn hiện tượng sóng yếu, lốm sóng, chưa đáp ứng lưu thoại thực tế: Khu vực Nậm Loỏng, xã Sùng Phài (Thành phố Lai Châu); khu vực Lùng Thèn đi Tam Đường (Thành phố Lai Châu); xã Khun Há, Sơn Bình (huyện Tam Đường); xã Nậm Ban, Trung Chải, Nậm Chà, Pú Dao, Nậm Hàng (huyện Nậm Nhùn); xã Tà Tổng, Mù Cả, Tá Bạ, Pa Ủ, Pa Vệ Sủ (huyện Mường Tè); xã Sì Lở Lầu, Mò Sì San, Tung Qua Lìn, Nậm Xe, Sin Suối Hồ (huyện Phong Thổ); xã Chăn Nưa, Tủa Sín Chải (huyện Sìn Hồ); xã Hố Mít, Trung Đông, Phúc Khoa, Nậm Sỏ, Tà Mít (huyện Tân Uyên); xã Pha Mu, Tà Hừa, Ta Gia (huyện Than Uyên). Những khu vực có sóng yếu, lốm sóng đều là những khu vực biên giới, địa hình hiểm trở, thưa dân cư hoặc các xã vùng sâu, vùng xa, di chuyển bất tiện, gặp nhiều khó khăn trong việc lắp đặt trạm thông tin di động. Hạ tầng băng rộng đến hộ gia đình còn thấp.

- Trung tâm giám sát an toàn thông tin (SOC) chưa bảo đảm quy mô, chức năng như hướng dẫn của Bộ TT&TT. Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh đầu tư từ năm 2014 cần được nâng cấp và quy hoạch lại.

- Dịch vụ mạng di động 5G chưa được triển khai tại Lai Châu.

- Hạ tầng truyền thanh cơ sở sử dụng công nghệ cũ gây nhiều nhược điểm như chất lượng âm thanh kém, không thể quản trị tập trung và chia sẻ cho các hệ thống khác nhau, mất an toàn thông tin.

- Cán bộ, công chức cấp xã chưa được trang bị đảm bảo 1 máy tính/1 người. Kinh phí đầu tư, trang bị hạ tầng CNTT còn thiếu, nhất là cấp cơ sở như xã/phường và các đơn vị sự nghiệp...

3. Về dữ liệu số

a. Kết quả thực hiện

- Trong chuyển đổi số, dữ liệu đóng vai trò rất quan trọng, là tài sản, tài nguyên, điều kiện tiên quyết cho chuyển đổi số. Trên địa bàn tỉnh đã có 18 cơ sở dữ liệu của các sở, ban, ngành và địa phương như: Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức do Sở nội vụ xây dựng; Cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc do Ban dân tộc triển khai, thực hiện; CSDL thông tin mộ và nghĩa trang liệt sĩ do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội vận hành; CSDL đất đai huyện Phong Thổ, Sơn Hồ, Thành phố Lai Châu do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng và vận hành...

- Ngoài ra, các bộ, ngành cũng đang triển khai xây dựng các CSDL quốc gia và nhiều hệ thống thông tin khác để đáp ứng cho các công tác quản lý và phục vụ nhu cầu xã hội (Thuế, Tài chính, Hải quan, Đăng ký kinh doanh, Đất đai, Xây dựng, Quản lý phương tiện, cấp phép lái xe, hộ tịch, hộ chiếu...) và đang trong quá trình chia sẻ cho các địa phương.

b. Khó khăn, hạn chế

- Dữ liệu số chưa được tạo lập toàn diện; hầu hết hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC chưa được số hóa, lưu trữ và quản lý như bản vẽ quy hoạch, thiết kế xây dựng, hộ tịch, tài nguyên và môi trường...

- Dữ liệu còn cát cứ, rời rạc, chưa được chia sẻ giữa trong nội bộ tỉnh và giữa cơ quan Trung ương với địa phương do vướng các quy định chuyên ngành (công an, thống kê, bảo hiểm xã hội, thuế,..) trái với quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số; ảnh hưởng đến việc triển khai các ứng dụng.

- Việc sử dụng dữ liệu số để thay thành phần hồ sơ dịch vụ công chưa được triển khai.

- Số lượng CSDL đã được xây dựng còn hạn chế chưa đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số.

4. Về nền tảng số

a. Kết quả thực hiện

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) đang được xây dựng, dự kiến hoàn thiện và đưa vào sử dụng năm 2023 đảm bảo liên thông, kết nối với 16 nhóm dịch vụ như: Quản lý, dịch vụ xác thực cho CBCC; Quản lý, dịch vụ xác thực cho Công dân, doanh nghiệp; Dịch vụ nền tảng quản lý nội dung hành chính công...

- Nền tảng khám chữa bệnh và thanh toán Bảo hiểm Y tế, hồ sơ sức khỏe điện tử đã triển khai cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế trên địa bàn tỉnh.

b. Khó khăn, hạn chế

- Danh mục nền tảng số chưa được ban hành cụ thể để địa phương tham mưu thúc đẩy sử dụng các nền tảng số quốc gia.

- Số lượng nền tảng đưa vào sử dụng chưa nhiều, đặc biệt là các nền tảng cho các ngành, lĩnh vực có nhu cầu lớn của người dân và xã hội (y tế, giáo dục, giao thông...).

- Nền tảng đô thị/thành phố thông minh mới ở mức thí điểm theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

5. Về ứng dụng và dịch vụ số

a. Kết quả thực hiện

- Tỉnh đã triển khai và đưa vào sử dụng các ứng dụng dùng chung phục vụ hoạt động nội bộ của các cơ quan tỉnh như:

- Phần mềm quản lý văn bản và điều hành: kết nối liên thông tới 100% các cấp chính quyền, các ban ngành đoàn thể và các tổ chức hội do tỉnh thành lập, đã thực hiện việc kết nối với Chính phủ trên Trục liên thông văn bản quốc gia. Tính đến nay đã thiết lập cho 698 cơ quan với tổng số tài khoản là 8200 tài khoản. Tỷ lệ văn bản điện tử trao đổi trong phạm vi toàn tỉnh tháng 4 đạt 100%, một số loại văn bản gửi kèm văn bản giấy. Cụ thể: từ 08/3/2022 đến 05/4/2022, tổng số văn bản gửi, nhận là 36.127 (Trong đó: 29.226 văn bản đến, 6.901 văn bản đi).

- Ứng dụng thư điện tử công vụ: Quyết liệt chỉ đạo đưa vào khai thác sử dụng hệ thống Thư điện tử công vụ tỉnh Lai Châu với quy mô 3000 hòm thư, đến nay mở rộng cấp cho 6345 cá nhân, tổ chức trong toàn tỉnh, đảm bảo an toàn bảo mật trong giao dịch điện tử trên môi trường mạng. Hệ thống thư điện tử tỉnh đã hỗ trợ tốt hoạt động chỉ đạo điều hành và phối hợp công tác của cơ quan, tổ chức trong tỉnh đem lại hiệu quả thiết thực.

- Ứng dụng chữ ký số: Đến nay, đã cấp 2.891 chữ ký số cho các cá nhân, tổ chức của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh. Trong đó: 2.277 chữ ký số cá nhân, 612 chữ ký số của tổ chức; 02 chứng thư số của thiết bị. Cùng với đó đã triển khai cấp 234 ký số trên thiết bị di động cho cá nhân..

- Cổng thông tin điện tử của tỉnh: tại địa chỉ <http://laichau.gov.vn> hoạt động ổn định, cung cấp thông tin về kinh tế xã hội; các thông tin chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo tỉnh; thường xuyên cập nhật cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước để phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Cổng dịch vụ công trực tuyến – Hệ thống một cửa điện tử tỉnh: Cung cấp 2.080 dịch vụ công trực tuyến, trong đó: Cung cấp 2.080 dịch vụ công trực tuyến, trong đó: Mức độ 2 là 990, mức độ 3 là 436, mức độ 4 là 654. Từ 08/3/2022 đến

05/4/2022, tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3 là 766/5.211 đạt 14,7%, tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4 là 1.856/3.318 đạt 55,94%.

- Hệ thống fanpage “UBND tỉnh Lai Châu” với 25.089 người theo dõi trang và hệ thống OA “UBND tỉnh Lai Châu” trên Zalo với 13.283 người quan tâm, kịp thời nhắn tin đến toàn bộ người dùng zalo trên địa bàn tỉnh các thông tin về các nội dung cần tuyên truyền, lắng nghe ý kiến phản hồi của người dân về mọi hoạt động của tỉnh...

- Hệ thống báo cáo của tỉnh được triển khai đến 30 sở/ban/ngành cấp tỉnh; 08 UBND các huyện, thành phố; 106 UBND cấp xã, phường, thị trấn, liên thông với Hệ thống báo cáo của Chính phủ.

b. Khó khăn, hạn chế

- Hiệu quả sử dụng các DVCTT chưa cao so với nhu cầu (35,32%) vì nhiều nguyên nhân, trong đó có việc các quy định pháp lý thay đổi thường xuyên dẫn đến thủ tục hành chính thay đổi theo; quy trình thủ tục hành chính còn rườm rà, các hồ sơ đầu vào yêu cầu công dân phải nộp vẫn còn rất phức tạp, không thuận lợi cho việc trực tuyến hóa các TTHC, thậm chí yêu cầu công dân phải có mặt trực tiếp tại cơ quan cung cấp dịch vụ.

- Chưa hình thành hệ thống quản lý dữ liệu số hóa hồ sơ, kết quả TTHC theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.

- Việc tích hợp và chia sẻ cơ sở dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của địa phương còn chậm, cơ chế phối hợp cập nhật và chia sẻ cơ sở dữ liệu còn hạn chế, dẫn đến các nguồn cơ sở dữ liệu bị phân tán, thông tin số chưa bảo đảm tính xác thực cao.

- Nguồn vốn đầu tư ứng dụng CNTT chủ yếu là ngân sách địa phương, chưa thu hút được các nguồn vốn khác; hình thức thuê dịch vụ CNTT còn hạn chế;

6. Về đảm bảo an toàn, an ninh mạng

a. Kết quả thực hiện

- Hoạt động về an toàn thông tin ngày càng diễn biến phức tạp và nguy hiểm, để đảm bảo ứng phó kịp thời với các sự cố an toàn an ninh mạng, trong thời gian qua Tỉnh đã thành lập Đội và xây dựng đầu mối ứng cứu sự cố ATTTM tại Quyết định số 967/QĐ-UBND ngày 06/9/2017, tổ chức Chương trình diễn tập an toàn thông tin từng năm để đào tạo cho cán bộ chuyên trách/bán chuyên trách về CNTT và ATTT của tỉnh.

- Để đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn thông tin nhằm trang bị cho mỗi cá nhân trên địa bàn tỉnh những kiến thức và kỹ năng cơ bản để bảo đảm an toàn thông tin trên không gian mạng, UBND

tỉnh ban hành Kế hoạch số 3278/KH-UBND ngày 13/10/2021 Kế hoạch thực hiện Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025” trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Đồng thời Xây dựng và lồng ghép việc tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về an toàn thông tin, các nhiệm vụ bảo đảm an toàn bảo mật cho các hệ thống thông tin trong kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2021, 2022 và kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025.

- Tỉnh Lai Châu đã hoàn thành 4 lớp trong mô hình đảm bảo an toàn thông tin “4 lớp” theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Hệ thống SOC của Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh giúp chủ động theo dõi, phân tích, phòng ngừa để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý rủi ro, sự cố an toàn thông tin mạng, giảm thiểu tối đa sự cố an toàn thông tin đối với các Hệ thống thông tin dùng chung, chuyên ngành của tỉnh đặt tại Trung tâm tích hợp dữ liệu.

b. Khó khăn, hạn chế

- Tỉnh Lai Châu luôn nằm trong các tỉnh có tỷ lệ máy tính nhiễm mã độc nhiều nhất toàn quốc.

- Công tác bảo đảm ATTTT tại một số cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh còn chưa được quan tâm đúng mức. Các hệ thống thông tin quan trọng của tỉnh luôn tiềm ẩn những rủi ro vì các hệ thống đều được triển khai theo mô hình tập trung, nếu bị tấn công có thể ảnh hưởng đến hoạt động của toàn bộ các cơ quan nhà nước. Ngoài ra, việc đẩy nhanh xây dựng chính quyền điện tử và thương mại điện tử đang đặt ra ngày càng nhiều thách thức lớn cho việc bảo đảm ATTTT.

- Nhận thức và ý thức của một số bộ phận cán bộ, công chức, viên chức về an toàn thông tin chưa đầy đủ là nguyên nhân đầu tiên làm mất an toàn cho các thiết bị kết nối của cá nhân và cơ quan, đơn vị. Đội ngũ cán bộ chuyên viên phụ trách an toàn, an ninh thông tin tại các cơ quan, đơn vị còn thiếu, cần được đào tạo, tập huấn chuyên sâu về an toàn, an ninh thông tin.

- Lực lượng cán bộ chuyên trách, có trình độ, khả năng tiếp cận, xử lý các tình huống không có hoặc hạn chế dẫn tới khó hoặc không thể khắc phục các sự cố mất ATTTT.

- Kinh phí đầu tư cho công nghệ thông tin của tỉnh nói chung và công tác đảm bảo ATTTT nói riêng còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu; Giải pháp phòng, chống mã độc tập trung chưa được triển khai đầy đủ dẫn đến thiếu tính đồng bộ nên khả năng phòng, chống mã độc, bảo mật chưa cao.

- Theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam quy định “Bảo đảm tỷ lệ kinh phí chi cho các sản phẩm, dịch vụ an

toàn thông tin mạng đạt tối thiểu 10% trong tổng kinh phí triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm, giai đoạn 5 năm và các dự án công nghệ thông tin (trong trường hợp chủ đầu tư chưa có hệ thống kỹ thuật hoặc thuê dịch vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng chuyên biệt đáp ứng được các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ)”. Tuy nhiên, Bộ Thông tin và Truyền thông chưa có hướng dẫn chi cụ thể trong các dự án, cấu phần giá trị,... nên cơ quan chuyên môn không có cơ sở thẩm định, yêu cầu các dự án về công nghệ thông tin phải đảm bảo chi cho nội dung này theo quy định.

7. Về nhân lực cho chuyển đổi số

a. Kết quả thực hiện

- Tỷ lệ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đạt 0.71 người/01 cơ quan, đơn vị.

- 100% cán bộ, công chức của cơ quan nhà nước có chứng chỉ ứng dụng CNTT theo Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản trở lên theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp.

- Tỷ lệ CBCC cấp tỉnh, cấp huyện thường xuyên sử dụng máy tính để xử lý công việc là 100%, cấp xã là 72%.

- 100% cán bộ chuyên trách và bán chuyên trách được tập huấn về công nghệ thông tin và an toàn thông tin. Tỷ lệ cán bộ không chuyên trách CNTT được tập huấn là 26% tập huấn về các ứng dụng dùng chung của tỉnh như hệ thống quản lý văn bản và điều hành, dịch vụ công trực tuyến, chữ ký số...

b. Khó khăn, hạn chế

- Cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước cũng như xã hội thấp.

- Nguồn nhân lực đảm nhận việc phối hợp triển khai và tổ chức quản lý vận hành các hệ thống thông tin chưa có hoặc có nhưng còn mỏng và yếu, đặc biệt ở cấp huyện, xã.

- Động lực để thay đổi thói quen làm việc hiện đại của cán bộ, công chức bị hạn chế trong điều kiện khối lượng công việc chuyên môn lớn.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Tỉnh ủy và các cấp chính quyền luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành nhiều chỉ thị, kế hoạch để tổ chức, triển khai thực hiện có hiệu quả công tác ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tạo sự chuyển biến trong nhận thức và hành động của các cơ quan, các cấp chính quyền địa phương.

- Bộ máy của cơ quan nhà nước từng bước được hiện đại theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành và phục vụ Nhân dân.

2. Khó khăn, hạn chế

- Về mặt pháp lý, Chuyển đổi số, Chính phủ số, Kinh tế số, Xã hội số là các khái niệm hoàn toàn mới, do đó chưa có cơ chế để bảo đảm thực thi nhiệm vụ thực hiện Chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, Kinh tế số và Xã hội số.

- Việc chậm sửa đổi các quy định chưa phù hợp hoặc chậm ban hành các văn bản hướng dẫn chuyên ngành của các cơ quan Trung ương dẫn đến công tác tổ chức triển khai thực hiện tại địa phương còn gặp khó khăn, cụ thể như: quy định về nền tảng số, hướng dẫn về quản lý, kết nối chia sẻ dữ liệu...

- Các giải pháp tổng thể nhằm kết nối chia sẻ thông tin giữa các Bộ, ngành với cấp tỉnh không đồng bộ, dẫn đến một số ngành, lĩnh vực của địa phương phải duy trì sử dụng nhiều hệ thống thông tin (của Trung ương và của địa phương) để thực hiện quản lý cùng một nội dung hoặc cùng một nhóm dịch vụ hành chính công, gây rất nhiều khó khăn trong tổ chức thực hiện và tạo áp lực lớn cho cán bộ, công chức thực thi nhiệm vụ.

- Danh mục thủ tục hành chính trực tuyến cấp tỉnh do Chính phủ ban hành thường xuyên thay đổi, chưa bảo đảm tính ổn định, một số TTHC chưa phù hợp (không đủ điều kiện để thực hiện trực tuyến hoặc không có hồ sơ thực tế tại địa phương), phần nào gây lúng túng cho địa phương trong việc triển khai thực hiện cũng như công tác rà soát, đánh giá, báo cáo, thống kê.

- Các doanh nghiệp CNTT của tỉnh đa phần là doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực mua bán sản phẩm, dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa lắp ráp thiết bị nhỏ lẻ; quy mô thị trường còn nhỏ nên khó kêu gọi nguồn lực bên ngoài đầu tư phát triển công nghiệp CNTT tại địa phương; công tác xúc tiến đầu tư và thương mại cho ngành công nghiệp CNTT chưa được quan tâm đầu tư đúng mức.

3. Nguyên nhân

- Mặt bằng chung về trình độ dân trí trên địa bàn tỉnh còn thấp, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Khả năng tiếp cận thông tin, trình độ, phương tiện máy móc ứng dụng công nghệ thông tin của người dân còn hạn chế.

- Nguồn lực đầu tư của tỉnh còn khó khăn, nhiều nhiệm vụ cấp bách phát sinh do đó chưa đủ nguồn lực để giải quyết khắc phục ngay những tồn tại, khó khăn vốn có của tỉnh nên đầu tư cho công nghệ thông tin, chuyển đổi số còn hạn chế.

- Việc đầu tư hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin ở khu vực vùng sâu,

vùng xa gặp nhiều khó khăn.

- Một số cấp ủy đảng, chính quyền, nhất là người đứng đầu ở một số địa phương, cơ quan thiếu quyết liệt; thiếu kiểm tra, theo dõi, đôn đốc, nhắc nhở. Nhận thức của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, người dân và cộng đồng xã hội về chuyển đổi số còn chưa đầy đủ; công tác quản lý về chuyển đổi số chưa theo kịp thực tiễn;

- Chưa có cơ chế, chính sách cho thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin trình độ cao; việc đầu tư, phát triển, hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên nền tảng công nghệ số còn hạn chế.

PHẦN III

CHƯƠNG TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH LAI CHÂU ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số, hình thành và thúc đẩy sự phát triển các doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh.

- Đến năm 2025, cơ bản hoàn thành các mục tiêu xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, đô thị thông minh; từng bước hoàn thành chuyển đổi số đối với những chỉ tiêu cơ bản ở một số lĩnh vực. Từng bước nâng thứ hạng của Lai Châu đạt vị trí thứ 45/63 tỉnh, thành phố trong Bảng xếp hạng đánh giá Chỉ số Chuyển đổi số vào năm 2025.

- Đến năm 2030, thực hiện chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên phạm vi toàn tỉnh; cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trên ở các lĩnh vực ưu tiên, góp phần thúc đẩy kinh tế, xã hội của tỉnh phát triển nhanh và bền vững; sẵn sàng thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan trên toàn tỉnh; hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện ích phục vụ tốt nhu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và nhu cầu đời sống người dân trên địa bàn tỉnh, với mục đích đi trước đón đầu, tận dụng cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để thu hẹp khoảng cách phát triển, giảm nghèo nhanh. Tiếp tục nâng thứ hạng của Lai Châu trên Bảng xếp hạng đánh giá Chỉ số Chuyển đổi số hàng năm.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

a) Phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động:

- 100% dịch vụ công có đủ điều kiện theo quy định được cung cấp dưới

hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;

- 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng (trừ văn bản mật theo quy định);

- 100% công tác báo cáo (không bao gồm nội dung mật) của các cơ quan nhà nước được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ;

- 70% cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh và với các cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh;

- 100% UBND cấp xã triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng;

- 70% tài liệu lưu trữ lịch sử và hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được giải quyết thành công được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định;

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 30% cán bộ, công chức, viên chức tham gia khai thác dữ liệu và công nghệ số;

- 100% các cơ quan được triển khai các giải pháp đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp;

- 20% trở lên hoạt động kiểm tra được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế:

- Phần đầu kinh tế số chiếm 10% GRDP (Tổng sản phẩm trên địa bàn);

- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7%;

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 5%;

- Ứng dụng rộng rãi các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán các loại phí, lệ phí và hoạt động kinh doanh, mua sắm trong cộng đồng;

- Phần đầu 20% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh; 50% doanh nghiệp thực hiện giao dịch điện tử trong các hoạt động về tài chính;

- 80% cơ sở dữ liệu về tài nguyên môi trường được xây dựng, cập nhật; cơ bản hoàn thành cơ sở dữ liệu đất đai cấp huyện để sẵn sàng kết nối, chia sẻ và

cung cấp dữ liệu mở;

- 70% diện tích rừng được kiểm soát, theo dõi, giám sát bằng các hệ thống quản lý rừng thông minh;

- 100% sản phẩm OCOP, 30% các sản phẩm chủ lực nông nghiệp của tỉnh được đưa lên sàn thương mại điện tử; Năm 2022 xây dựng và đưa vào khai thác 01 sàn thương mại điện tử của tỉnh.

c) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số:

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang đến 100% xã, phân đầu trên 50% hộ gia đình có đường truyền Internet băng rộng; phân đầu cơ bản mỗi hộ dân có ít nhất 01 điện thoại hoặc thiết bị thông minh;

- Trên 50% người dùng điện thoại hoặc thiết bị thông minh được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị thông minh;

- Ít nhất 50% người dân trưởng thành sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử;

- 70% dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử; 100% Trạm y tế xã, phường, thị trấn được triển khai ứng dụng hệ thống thông tin trạm y tế;

- 40% các huyện, thành phố triển khai dịch vụ đô thị thông minh;

- 60% cơ sở giáo dục tiểu học và 70% cơ sở giáo dục trung học, giáo dục thường xuyên triển khai dạy học trực tuyến;

- 100% cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số;

- Hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục được thiết lập và vận hành trên nền tảng số;

- 50% các điểm, bản du lịch cộng đồng đã được công nhận được số hóa 3D;

- 70% tài liệu quý hiếm, tài liệu địa chí có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, khoa học được số hóa.

2.2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

a) Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động:

- 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện theo quy định được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;

- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

- 100% cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành được kết nối, chia sẻ

trên toàn tỉnh và với các cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh;

- 100% tài liệu lưu trữ lịch sử và hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được giải quyết thành công được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định;

- 100% cán bộ, công chức, viên chức tham gia khai thác dữ liệu và công nghệ số được phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số;

- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế:

- Kinh tế số chiếm 20% GRDP (tổng sản phẩm trên địa bàn);

- Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 8%;

- Phân đầu 50% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh ứng dụng chuyên đổi số trong hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh; 100% doanh nghiệp thực hiện giao dịch điện tử trong các hoạt động về tài chính;

- 100% cơ sở dữ liệu về tài nguyên môi trường được xây dựng, cập nhật;

- 100% diện tích rừng được kiểm soát, theo dõi, giám sát bằng các hệ thống quản lý rừng thông minh;

- 100% sản phẩm OCOP, 80% sản phẩm chủ lực của nông nghiệp đưa lên sàn thương mại điện tử của tỉnh và các sàn thương mại điện tử khác;

c) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số:

- Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang trên phạm vi toàn tỉnh;

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G và điện thoại di động thông minh, từng bước phát triển mạng 5G;

- 100% người dùng điện thoại, thiết bị thông minh được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị thông minh;

- Ít nhất 60% người dân trưởng thành sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử;

- 100% dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử; 100% các đơn vị trong ngành y tế ứng dụng hệ thống quản trị y tế thông minh trong công tác quản lý điều hành;

- 100% các huyện, thành phố triển khai dịch vụ đô thị thông minh;

- 90% cơ sở giáo dục tiểu học và 90% cơ sở giáo dục trung học, giáo dục

thường xuyên triển khai dạy học trực tuyến;

- 100% nguồn lực ngành giáo dục của được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn ngành và liên thông với các cơ sở dữ liệu, thông tin khác của tỉnh;

- 100% các điểm, bản du lịch cộng đồng đã được công nhận được số hóa 3D;

- 100% tài liệu quý hiếm, tài liệu địa chí có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, khoa học được số hóa.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số

1.1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, nâng cao nhận thức và huy động sự vào cuộc của hệ thống chính trị, sự tham gia của toàn xã hội trong chuyển đổi số

- Cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số, trọng tâm là Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 25/02/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu về chương trình chuyển đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp chủ trì, lãnh đạo thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn, lĩnh vực quản lý; ban hành và triển khai kế hoạch chi tiết chuyển đổi số, gắn chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong ngành, lĩnh vực, địa phương; tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân về các chủ trương, chính sách liên quan đến chuyển đổi số và thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo phương châm: “Nhận thức” là quyết định, “người dân, doanh nghiệp” là trung tâm”, “thể chế và công nghệ số” là động lực, “nền tảng số” là đột phá, “an toàn, an ninh thông tin” là then chốt, “chính quyền” là tiên phong, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp và sự tham gia của toàn dân là yếu tố đảm bảo sự thành công trong chuyển đổi số. Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách; lấy việc triển khai thực hiện Đề án Chuyển đổi số là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội các cấp, các hiệp hội ngành nghề tỉnh trong công tác tuyên truyền, vận động doanh nghiệp, nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia công cuộc chuyển đổi số tại tỉnh.

- Tăng cường liên kết giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức, doanh nghiệp; giữa các hội, hiệp hội ngành nghề CNTT với các hội, hiệp hội các lĩnh vực chuyên ngành khác để tạo hiệu ứng lan tỏa chuyển đổi số trong xã hội.

- Triển khai sáng kiến mỗi đoàn viên thanh niên, cán bộ, công chức, viên chức là một công dân số xung kích, gương mẫu trong thực hiện chuyển đổi số để hướng dẫn và lan tỏa; mỗi tổ dân phố/thôn là một hạt nhân trong triển khai truyền thông, hướng dẫn chuyển đổi số.

- Xây dựng Chuyên mục về Chuyển đổi số trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Lai Châu và các phương tiện thông tin đại chúng; định kỳ hàng tuần đăng tải tin, bài, phóng sự về chuyển đổi số, chia sẻ, lan tỏa, phổ biến câu chuyện thành công, tôn vinh gương thành công điển hình về chuyển đổi số.

- Thiết lập Tổng đài và các kênh để truyền thông, hướng dẫn, hỗ trợ về chuyển đổi số; đồng thời để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

1.2. Xây dựng, thực hiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy quá trình chuyển đổi số

- Các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội tiên phong đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý nhà nước, vận động quần chúng ứng dụng công nghệ số tương tác với chính quyền trên môi trường số thông suốt, hiệu quả, khuyến khích người dân tham gia sử dụng sản phẩm, góp ý, hiến kế, phản biện về chuyển đổi số; triển khai tái cấu trúc, đổi mới mô hình hoạt động, điều hành và mô hình nghiệp vụ từ “truyền thống” sang không gian số dựa trên dữ liệu số; quyết tâm Chuyển đổi số thành công.

- Triển khai rà soát, xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số, đặc biệt là tái cấu trúc hoặc đổi mới mô hình, quy trình hoạt động kết hợp với áp dụng công nghệ số, dữ liệu số trong chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội; triển khai các ứng dụng, tiện ích thiết thực phục vụ mọi hoạt động của người dân để phổ cập rộng rãi trong xã hội.

- Rà soát, xây dựng, cập nhật, sửa đổi, bổ sung các kiến trúc, quy chế, quy định về xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin, chia sẻ dữ liệu phục vụ Chính quyền số, thành phố thông minh phù hợp với định hướng, chiến lược quốc gia.

- Rà soát, tái cấu trúc quy trình hoạt động và cung cấp dịch vụ công; trong đó cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thủ tục hành chính, dịch vụ sự nghiệp công (do doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công trên địa bàn tỉnh cung cấp) theo hướng liên thông, đơn giản hóa qua ứng dụng công nghệ số, sử dụng dữ liệu số thay thế một số thành phần hồ sơ thủ tục hành chính phải nộp bản giấy. Từng ngành, địa phương xây dựng kế hoạch, lộ trình cắt giảm thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý thông qua kế thừa dữ liệu số; hướng đến hình thành mô hình “một cửa bất kỳ”.

- Rà soát ban hành quy trình, thủ tục thống nhất, đồng bộ về tiếp nhận, xử lý ban hành văn bản trong toàn hệ thống trong cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể đảm bảo xử lý hoàn toàn trên mạng, tiến tới mô hình văn phòng không giấy.

- Nghiên cứu, xây dựng các chính sách tài chính (như phí sử dụng dịch vụ khi thanh toán trực tuyến phí, lệ phí thủ tục hành chính...) để khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số.

- Nghiên cứu xây dựng, đề xuất ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ cho các cán bộ tham mưu chuyển đổi số, vận hành hệ thống chính quyền số, thành phố thông minh, bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- Nghiên cứu, đề xuất chính sách ưu tiên phát triển doanh nghiệp công nghệ số địa phương, như: Đặt hàng sản phẩm hoặc đề tài khoa học cho doanh nghiệp, hỗ trợ về thuế, phí; hỗ trợ, khuyến khích phát triển nội dung số, kinh tế nền tảng, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử và sản xuất thông minh; hỗ trợ doanh nghiệp ngành nghề khác ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số trong sản xuất, kinh doanh.

- Chủ động dự báo, có biện pháp giải quyết, giảm thiểu các tác động tiêu cực của chuyển đổi số đến xã hội, nhất là việc tái cấu trúc thị trường lao động; xây dựng chính sách hỗ trợ các nhóm đối tượng yếu thế, bị ảnh hưởng tiêu cực bởi chuyển đổi số, hỗ trợ, tổ chức đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số, ứng dụng công nghệ số cho người lao động.

1.3. Phát triển hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số

- Triển khai cho 100% cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức chính trị xã hội sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng. Kết nối hệ thống mạng giữa khối Đảng với khối Chính quyền và đưa vào sử dụng để trao đổi một số nội dung cần thiết nhằm phát huy hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành.

- Mở rộng hệ thống họp trực tuyến cho 100% cơ quan Đảng, chính quyền từ cấp tỉnh đến cấp xã.

- Xây dựng, nâng cấp Trung tâm điều hành đô thị thông minh và an toàn an ninh mạng tỉnh Lai Châu theo hướng hiện đại bằng các công nghệ mới để quản lý tập trung các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung toàn tỉnh, đáp ứng yêu

cầu triển khai chính quyền số, đô thị thông minh.

- Xây dựng, phát triển hạ tầng mạng truyền dẫn băng thông rộng² chất lượng cao; phối hợp với các doanh nghiệp nâng cấp mạng di động 4G, 5G. Xây dựng kho lưu trữ số tập trung của tỉnh để quản lý thống nhất việc lưu trữ, chia sẻ, trao đổi, bảo quản tài liệu lưu trữ điện tử.

- Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật; xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số.

1.4. Phát triển dữ liệu số

- Tập trung hoàn thiện và đưa vào sử dụng CSDL đất đai, cơ sở dữ liệu về tài nguyên môi trường.

- Đồng bộ dữ liệu từ CSDL quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp, CSDL Bộ, ngành thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh.

- Phát triển, làm sạch, hoàn thiện và đưa vào sử dụng hiệu quả các CSDL chuyên ngành và quản lý nhà nước, kết nối, tích hợp với các CSDL quốc gia, Hệ thống thông tin của Bộ ngành Trung ương, và chia sẻ cho các cơ quan, đơn vị dùng chung để phân tích, dự báo, phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công của tỉnh. Số hóa và đưa vào khai thác cơ sở dữ liệu kết quả thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý.

- Phát triển Kho dữ liệu dùng chung toàn tỉnh cho phép thu thập, lưu trữ, tổng hợp từ nhiều nguồn dữ liệu khác nhau (có cấu trúc, bán cấu trúc, phi cấu trúc), phân tích, xử lý, khai phá, hỗ trợ ra quyết định; đồng thời chia sẻ cho các cơ quan sử dụng.

1.5. Phát triển nền tảng số phục vụ chuyển đổi số

- Nâng cấp, hoàn thiện nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia và các bộ, ngành, địa phương; tiếp tục rà soát, nâng cấp, hoàn thiện các nền tảng hiện có như nền tảng Công Dịch vụ công, nền tảng Hệ thống báo cáo điện tử...

² Trong viễn thông, băng thông rộng là một đường truyền dữ liệu mà cho phép truyền nhiều tín hiệu và nhiều đường cùng lúc. Đường dẫn truyền có thể là cáp đồng trục, cáp quang, radio hoặc cáp xoắn đôi. Trong bối cảnh truy cập Internet, băng thông rộng được sử dụng chỉ bất kỳ phương pháp truy cập Internet tốc độ cao nào luôn luôn kết nối và nhanh hơn truy cập quay số trên các dịch vụ analog cổ điển hoặc ISDN và PSTN. Trong viễn thông, một phương thức tín hiệu băng thông rộng là một phương thức xử lý một dải tần số rộng. "Băng thông rộng" là một thuật ngữ tương đối, được hiểu theo ngữ cảnh của nó. Băng thông của kênh càng rộng (hoặc rộng hơn), khả năng mang dữ liệu càng lớn, với cùng chất lượng kênh.

- Triển khai hệ thống định danh và xác thực điện tử bảo đảm thiết thực, hiệu quả để phục vụ giao dịch điện tử giữa người dân với cơ quan nhà nước và các giao dịch điện tử dân sự khác một cách dễ dàng, đơn giản, tiện lợi.

- Phối hợp triển khai hệ thống thanh toán điện tử cho phép doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ thanh toán điện tử không thông qua tài khoản ngân hàng để phổ cập, cung cấp khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân.

- Xây dựng danh sách các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung rộng khắp trong một số lĩnh vực như thương mại điện tử, thông tin và truyền thông, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường, học trực tuyến, nội dung số, dịch vụ kế toán, tài chính doanh nghiệp, đô thị, ngân hàng số như:

+ Các nền tảng số trong lĩnh vực giáo dục như: nền tảng dạy học trực tuyến, nền tảng học kỹ năng trực tuyến mở, nền tảng thi đối kháng trực tuyến....

+ Các nền tảng số trong lĩnh vực y tế như nền tảng tư vấn, khám chữa bệnh và hội chẩn từ xa Telehealth/Telecare, hệ thống sức khỏe công dân, hồ sơ bệnh án điện tử...

+ Các nền tảng số trong lĩnh vực giao thông như nền tảng quản lý thu phí, thanh toán điện tử trong giao thông (hệ thống kiểm soát thẻ vé, thu phí liên thông trong mạng lưới giao thông công cộng, hệ thống quản lý thu phí tại các khu vực đỗ xe trên đường, bãi đỗ xe công cộng,...); nền tảng giám sát hành trình, quản lý điều hành phương tiện; nền tảng giám sát, điều hành giao thông...

+ Các nền tảng số trong lĩnh vực thương mại, du lịch như nền tảng triển lãm, xúc tiến thương mại trực tuyến, kinh doanh/mua sắm trực tuyến, nền tảng giới thiệu, quảng bá ẩm thực, các nhà hàng, quán ăn, khu vui chơi giải trí, các dịch vụ du lịch...

+ Các nền tảng số trong thông tin và truyền thông như: nền tảng phát thanh số, nền tảng truyền hình số, hệ thống thông tin nguồn...

1.6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong mọi thành phần của chuyển đổi số

- Đảm bảo cài đặt phần mềm phòng chống mã độc cho 100% các máy tính của cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận và tổ chức đoàn thể trên địa bàn tỉnh.

- Giám sát tập trung và cảnh báo sớm nguy cơ, điều phối ứng cứu sự cố mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh. Xây dựng Trung tâm điều hành an toàn, an ninh mạng (Security Operation Center - SOC) kết nối với Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia. Thường xuyên giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ, ngăn chặn kịp thời các

sự cố tấn công an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai xác định và xây dựng, phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin quan trọng của tỉnh. Định kỳ thực hiện kiểm tra, đánh giá độc lập an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên. Thường xuyên tổ chức tập huấn, diễn tập an toàn, an ninh mạng trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai hệ thống xác định, phát hiện thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng và kịp thời xử lý.

- Thiết lập mạng lưới kết nối các chuyên gia, tổ chức, doanh nghiệp an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh và quốc gia nhằm chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ xử lý sự cố an toàn thông tin; tích cực tham gia các chiến dịch bảo đảm an toàn thông tin; tham gia vào Mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia.

- Chỉ đạo các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng và nền tảng số trong công tác bảo đảm an toàn thông tin; phát triển hệ thống nền tảng, hạ tầng, mạng lưới gắn với bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

1.7. Phát triển nguồn nhân lực cho chuyển đổi số

- Hàng năm triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương, lãnh đạo các hiệp hội, doanh nghiệp; tổ chức đào tạo, tập huấn, cập nhật kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, áp dụng công nghệ số cho cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sử dụng các hình thức thanh toán trực tuyến, không dùng tiền mặt trong phục vụ đời sống, sản xuất, kinh doanh và nhu cầu tiêu dùng.

- Huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và xây dựng nền tảng cung cấp các khóa học đại trà trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp; nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số cho người dân để hình thành công dân số, đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi số. Khuyến khích lồng ghép nội dung giáo dục về kiến thức, kỹ năng số vào chương trình cho học sinh từ lớp 8 trở lên và các cấp học thấp hơn.

- Thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao vào hoạt động quản lý nhà nước, quản lý vận hành các hệ thống thông tin trong các cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội các cấp của tỉnh. Phân đấu đảm bảo mỗi cơ quan Nhà nước bố trí tối thiểu 01 biên chế chuyên trách công nghệ thông tin nằm trong tổng biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

- Kiện toàn và đổi tên Ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử thành Ban chỉ đạo Chuyển đổi số do người đứng đầu làm Trưởng ban, cơ quan thường trực

là đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin.

2. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển chính quyền số

- Phát triển hạ tầng chính quyền số phục vụ hoạt động của các cơ quan trên cơ sở kết hợp thế mạnh của mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet, Trung tâm tích hợp dữ liệu, Trung tâm điều hành đô thị thông minh và giám sát an toàn, an ninh mạng để phục vụ kết nối liên thông, xuyên suốt 4 cấp; chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo,... phục vụ kết nối, phân tích, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ số trong hoạt động nội bộ của cơ quan như: Hệ thống quản lý văn bản điều hành, hệ thống báo cáo, hệ thống thư điện tử công vụ; các ứng dụng nghiệp vụ quản lý như tài chính, kế toán, quản lý nhân sự,... các ứng dụng chuyên ngành từ Trung ương đến địa phương; họp trực tuyến, làm việc từ xa...

- Hoàn thiện Cổng Dịch vụ công tỉnh theo hướng cung cấp dịch vụ số, kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng thanh toán trực tuyến quốc gia, Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và các hệ thống quy mô quốc gia cần thiết khác; ứng dụng công nghệ số để cá nhân hóa giao diện, tối ưu hoá trải nghiệm, mang lại sự thuận tiện cho người dùng.

- Tích hợp các dịch vụ theo hướng tập trung phục vụ người dân và doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên tất cả các lĩnh vực và trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau. Người dân và doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần để giải quyết thủ tục hành chính. Khuyến khích người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến, xem xét giảm chi phí và thời gian cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến.

- Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp. Số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự cơ quan chuyên trách, đầu mối về chuyển đổi số của tỉnh bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao; phát triển đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin bảo đảm công tác triển khai chuyển đổi số ở các ngành, các cấp.

- Lựa chọn đô thị điển hình của tỉnh để triển khai thử nghiệm, phát triển dịch vụ đô thị thông minh gắn với hệ thống chính quyền điện tử, từ đó phổ biến, nhân rộng.

- Triển khai hiệu quả hệ thống CSDL và hệ thống thông tin chuyên ngành của các sở, ban, ngành và các hệ thống ứng dụng của các cơ quan Trung ương trên địa bàn, đảm bảo liên thông trong kết nối giữa cơ quan Đảng và chính quyền.

3. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số cải cách hành chính, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp số khởi nghiệp, hình thành cộng đồng doanh nghiệp số. Đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số tại các doanh nghiệp của tỉnh để nâng cao năng lực cạnh tranh; tạo thuận lợi để các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh phát triển các nền tảng phục vụ chuyển đổi số.

- Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ động, tích cực hợp tác với các tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ số để nghiên cứu, phát triển, chuyển giao và triển khai công nghệ mới, tiên tiến theo quy định; ưu đãi, hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh để chuyển đổi cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh.

- Chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số, khai thác và ứng dụng hiệu quả nền tảng mã địa chỉ bưu chính nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động vận chuyển và giao nhận hàng hóa trong thương mại điện tử và logistics. Tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh triển khai các giải pháp kết nối với các doanh nghiệp viễn thông để thực hiện, triển khai thanh toán với các giao dịch có giá trị nhỏ thông qua tài khoản viễn thông.

- Phát triển sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh, tăng cường hoạt động kết nối cung cầu giữa các doanh nghiệp công nghệ số, cung cấp giải pháp chuyển đổi số với các doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, đảm bảo phù hợp với đặc thù, yêu cầu của từng ngành, lĩnh vực.

- Ưu tiên sử dụng nguồn quỹ phát triển khoa học công nghệ, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp ngành nghề truyền thống ứng dụng công nghệ số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; ưu tiên sử dụng nguồn lực theo quy định tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

- Khuyến khích các hội, hiệp hội doanh nghiệp thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo, phổ biến, cập nhật các xu hướng chuyển đổi số, mô hình, giải pháp công nghệ số trong lĩnh vực chuyên ngành, tư vấn, hướng dẫn chuyển đổi số trong doanh nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp thường xuyên tổ chức tập huấn, nâng cao kỹ năng số, đặc biệt là kỹ năng phân tích, xử lý dữ liệu cho người lao động.

4. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển xã hội số

- Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội về chuyển đổi số; đào tạo, hướng dẫn, phổ cập thông tin, kỹ năng số, bao gồm kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng, kỹ năng ứng xử trên môi trường mạng, sử dụng các dịch vụ số của tỉnh.

- Hướng dẫn, triển khai áp dụng Bộ quy tắc ứng xử trên môi trường số cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, tạo lập niềm tin, hình thành văn hóa số trong cộng đồng.

- Phát triển và khai thác sử dụng hiệu quả nền tảng số trong công tác quản lý xã hội tại địa phương; tăng cường quảng bá bản sắc văn hóa, truyền thống lịch sử, các sản phẩm đặc trưng của tỉnh.

- Đẩy mạnh thanh toán điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thanh toán không tiền mặt trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, nhóm hộ gia đình tham gia từ 03 sàn thương mại điện tử nhằm thúc đẩy, tạo điều kiện để người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có thể mua bán sản phẩm, dịch vụ trên môi trường mạng. Ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm xuất khẩu có thể mạnh, các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP, các sản phẩm nông nghiệp nông thôn và các sản phẩm du lịch tiêu biểu của tỉnh.

- Hình thành hệ thống thư viện số tỉnh, xây dựng ứng dụng trên thiết bị di động thông minh cung cấp các dịch vụ và khả năng truy cập vào các nguồn tài nguyên, thông tin của thư viện tỉnh mọi lúc, mọi nơi nhằm phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng.

- Xây dựng Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh để quản lý tập trung các đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông, băng tin điện tử công cộng và các phương tiện thông tin cơ sở khác trên địa bàn tỉnh.

5. Một số lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số

Ưu tiên chuyển đổi số trên 8 lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh tại tỉnh, trong các ngành mang lại giá trị lớn, có hiệu quả ngay cho xã hội như:

5.1. Lĩnh vực y tế

- Căn cứ nhiệm vụ của Sở Y tế, hàng năm xây dựng kế hoạch thực hiện chuyển đổi số y tế, xây dựng hệ thống Y tế thông minh, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện đảm bảo mục tiêu đề án đề ra.

- Chuẩn hóa, hoàn thiện hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân và mã định danh y tế theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Bộ Y tế; công khai cho

người dân tra cứu, theo dõi.

- Thông minh hóa, số hóa các thiết bị y tế (máy xét nghiệm, máy chẩn đoán hình ảnh, điện tâm đồ,...), kết nối liên thông với các hệ thống phần mềm HIS, LIS, RIS, PACS, EMR tuân thủ các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế, nâng cao khả năng tự động hóa.

- Đẩy mạnh triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, hạn chế sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí điện tử, hạn chế sử dụng tiền mặt.

- Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong chẩn đoán, điều trị, theo dõi bệnh nhân và quản lý hành chính y tế giúp nâng cao chất lượng dịch vụ điều trị, chăm sóc sức khỏe, ưu tiên một số lĩnh vực sau: phát triển các hệ thống chuyên gia hỗ trợ ra quyết định lâm sàng; hỗ trợ chẩn đoán hình ảnh; chẩn đoán, điều trị và dự phòng bằng y dược cổ truyền...

- Triển khai các nền tảng hỗ trợ khám chữa bệnh từ xa, cho phép theo dõi, trợ giúp, chăm sóc sức khỏe người dân từ xa, kết nối trực tuyến giữa người bệnh, các thiết bị theo dõi sức khỏe và cán bộ y tế, giúp giảm tải các cơ sở y tế, hạn chế tiếp xúc đông người, giảm nguy cơ lây nhiễm chéo.

- Triển khai các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh tiếp nhận khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế trên ứng dụng bảo hiểm xã hội số (VssID), căn cước công dân, ứng dụng Định danh điện tử quốc gia (VNEID) và các ứng dụng khác (theo quy định của cấp có thẩm quyền) thay cho thẻ bảo hiểm y tế giấy.

5.2. Lĩnh vực giáo dục

- Xây dựng, hoàn thiện CSDL ngành giáo dục, CSDL tài liệu, phần mềm tuyển sinh đầu cấp, hệ thống học bạ điện tử, sổ điểm điện tử học sinh theo quy chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Số hóa giáo trình điện; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập kết hợp hình thức trực tiếp và trực tuyến.

- Triển khai dạy và học trực tuyến; ứng dụng công nghệ số để giao bài tập và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp.

- Triển khai thanh toán học phí, lệ phí điện tử không dùng tiền mặt.

- Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo.

- Hình thành các lớp học thông minh ứng dụng nền tảng đào tạo từ xa cho các cơ sở giáo dục phổ thông phục vụ giao ban, đào tạo, tập huấn, giảng dạy trực tuyến.

- Hình thành hệ thống thư viện điện tử đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của học sinh, giáo viên tại các cơ sở giáo dục phổ thông.

5.3. Lĩnh vực nông nghiệp

- Phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác.

- Xây dựng CSDL về trồng trọt, thủy lợi; Xây dựng hệ thống thông tin quản lý, giám sát minh bạch thông tin, kết nối tiêu thụ sản phẩm đối với các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh nông lâm sản và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Hệ thống phát hiện sớm các điểm cháy rừng; Hệ thống cảnh báo cháy rừng; Trạm quan trắc giám sát, bảo vệ rừng; Hệ thống phân vùng trọng điểm cháy rừng; Thiết lập hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản trên địa bàn tỉnh.

- Ứng dụng công nghệ số trong quản lý, giám sát nguồn gốc, chất lượng sản phẩm nông nghiệp, thủy sản từ địa phương khác nhập vào tỉnh, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác.

5.4. Lĩnh vực giao thông vận tải và logistics

- Ứng dụng, triển khai hệ thống giám sát giao thông thông minh: Hệ thống phần mềm quản lý và điều hành giao thông; Hệ thống điều khiển đèn tín hiệu giao thông, giám sát trật tự an toàn giao thông; Hệ thống kiểm soát an toàn giao thông; Hệ thống quản lý và thu phí bãi đỗ, thu phí đường bộ; hệ thống cân tự động.

- Thúc đẩy chuyển đổi số tại các đơn vị, doanh nghiệp trong lĩnh vực khai thác hệ thống kho, bến bãi phục vụ vận tải và logistics.

- Triển khai trung tâm kho bãi, chia chọn tự động dựa trên công nghệ số, thông minh phục vụ phát triển logistics. Triển khai ứng dụng công nghệ số đối với các hoạt động tại Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng.

5.5. Lĩnh vực tài nguyên và môi trường

- Triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn (cơ sở dữ liệu về: Đất đai; nền địa lý quốc gia; quan trắc tài nguyên và môi trường,...) nhằm quản lý hiệu quả lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Ban hành và triển khai Chương trình quan trắc chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh; hình thành mạng lưới quan trắc chất lượng môi trường tự động, liên tục đối với môi trường nước, môi trường không khí theo thời gian thực; trang bị hạ tầng kỹ thuật để truyền, nhận dữ liệu quan trắc tự động, liên tục; phân tích dữ liệu quan trắc để cảnh báo sớm và phục vụ chỉ đạo, điều hành.

- Triển khai các dịch vụ thu gom rác quá khổ, rác độc hại, rác tái chế... thông qua môi trường mạng.

5.6. Lĩnh vực năng lượng và sản xuất công nghiệp

- Chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng, trong đó ưu tiên tập trung cho ngành điện lực hướng đến tối đa hóa và tự động hóa các mạng lưới cho việc cung

ứng điện một cách hiệu quả. Kết nối các đồng hồ đo điện số để cải thiện tốc độ và sự chính xác của hóa đơn, xác định sự cố về mạng lưới, hỗ trợ người dùng cách tiết kiệm năng lượng và phát hiện ra các tổn thất điện năng.

- Số hóa, xây dựng hạ tầng điện chiếu sáng công cộng trên nền GIS; triển khai lắp đặt hệ thống cảm biến, thiết bị IoT trên toàn bộ hạ tầng điện chiếu sáng công cộng, quản lý và giám sát tập trung, điều khiển tự động.

- Triển khai Đề án hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở sản xuất cá thể trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Cung cấp các dịch vụ số trên môi trường mạng, tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư và kinh doanh.

- Xây dựng dịch vụ về dữ liệu và phát triển kỹ năng số cho người lao động, thí điểm triển khai mô hình nhà máy thông minh.

5.7. Lĩnh vực tài chính - ngân hàng

- Triển khai có hiệu quả Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh, bảo đảm các mục tiêu về thương mại điện tử trong Đề án Chuyển đổi số; xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh, có tính cạnh tranh và phát triển bền vững; hình thành hệ sinh thái gắn kết doanh nghiệp thương mại điện tử với các nhà sản xuất, nhà phân phối để quản lý chuỗi cung ứng.

- Triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai và nâng cấp sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh.

- Nghiên cứu quy định cụ thể về phí để khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số. Xây dựng tài chính điện tử và thiết lập nền tảng tài chính số hiện đại, bền vững. Triển khai Ứng dụng toàn diện công nghệ số trong các ngành thuế, hải quan, kho bạc.

5.8. Lĩnh vực du lịch

- Tăng cường hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch thông qua ứng dụng số.

- Số hóa địa điểm, sản phẩm du lịch, văn hóa của tỉnh, xây dựng bản đồ số với các thông tin được chuẩn hóa.

- Ứng dụng công nghệ thực tế ảo, thực tế tăng cường và các công nghệ mới khác nhằm đưa đến những dịch vụ tốt nhất về trải nghiệm, tiện dụng, tăng giá trị và sức hấp dẫn của các điểm đến du lịch đối với du khách, hình thành các sản phẩm du lịch mới.

- Khuyến khích, đẩy mạnh các dịch vụ thanh toán trực tuyến (qua ví điện

tử, thẻ ngân hàng trực tuyến, QR Code...) tại các điểm đến du lịch.

6. Đảm bảo nguồn lực chuyển đổi số

- Huy động các nguồn lực thực hiện chuyển đổi số, lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án có liên quan, nguồn đầu tư của doanh nghiệp, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Hằng năm, ưu tiên bố trí tối thiểu 1% tổng chi cân đối ngân sách địa phương và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để triển khai thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Các cơ quan, đơn vị chủ động lồng ghép với các đề án, chương trình, dự án của đơn vị mình, cân đối sắp xếp trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện. Trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, tại thời điểm xây dựng dự toán hàng năm, các cơ quan căn cứ tiêu chuẩn, định mức và nội dung chi theo quy định hiện hành, lập dự toán chi tiết gửi Sở Thông tin và Truyền thông để kiểm tra, rà soát các nhiệm vụ chi nhằm tránh chồng chéo, trùng lặp và tổng hợp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư (vốn chi đầu tư phát triển) và Sở Tài chính (vốn chi thường xuyên) xem xét, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

III. DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Dự kiến tổng kinh phí thực hiện Đề án: **475.069 triệu đồng**. Trong đó:

- Vốn đầu tư: 122.514 triệu đồng;
- + Ngân sách Trung ương: 27.614 triệu đồng;
- + Ngân sách địa phương: 94.900 triệu đồng.
- Vốn sự nghiệp: 352.555 triệu đồng:
- + Năm 2021: 16.477 triệu đồng;
- + Năm 2022: 71.385 triệu đồng;
- + Năm 2023: 105.352 triệu đồng;
- + Năm 2024: 84.502 triệu đồng;
- + Năm 2025: 74.838 triệu đồng.

2. Nguồn kinh phí thực hiện đề án: Ngân sách nhà nước, nguồn vốn doanh nghiệp đầu tư, vốn xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp.

* **Ghi chú:** Kinh phí nêu trên là dự kiến; quy trình lập, thẩm định, giao dự toán thực hiện theo các quy định hiện hành. Trước khi tham mưu UBND tỉnh phân bổ, giao dự toán kinh phí triển khai các nhiệm vụ, dự án, Sở Tài chính, Sở Kế

hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan đơn vị liên quan tổ chức rà soát, đánh giá cụ thể tính cần thiết, tính phù hợp, tính hiệu quả, đảm bảo không đầu tư chồng chéo, trùng lặp.

IV. KHÁI TOÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

PHỤ LỤC I: Dự kiến các nhiệm vụ, dự án triển khai thực hiện Đề án Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025 sử dụng vốn đầu tư.

PHỤ LỤC II: Dự kiến danh mục nhiệm vụ, dự án thực hiện Đề án Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025 sử dụng vốn sự nghiệp.

PHỤ LỤC III: Dự kiến danh mục nhiệm vụ, dự án thực hiện Đề án Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025 sử dụng vốn doanh nghiệp, xã hội hóa.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu

Chỉ đạo, đôn đốc, điều phối chung việc triển khai Đề án Chuyển đổi số và các hoạt động chuyển đổi số của tỉnh.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Là cơ quan thường trực, chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Đề án Chuyển đổi số, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, địa phương, định kỳ hoặc báo cáo UBND tỉnh tình hình triển khai Đề án. Hằng năm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch năm triển khai thực hiện đề án, đồng thời đề xuất chỉnh bổ sung, đưa ra khỏi danh mục các nhiệm vụ, dự án không đảm bảo tính phù hợp, tính cần thiết, tránh đầu tư chồng chéo, trùng lặp gây lãng phí.

- Trên cơ sở nội dung, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị đề xuất, chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh danh mục, nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số hàng năm phù hợp với định mức, đơn giá, mức chi của từng năm theo hướng dẫn tại Công văn số 2390/BTTTT-THH ngày 29/6/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc triển khai Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; kiểm tra, rà soát các nhiệm vụ chỉ nhằm tránh chồng chéo, trùng lặp và tổng hợp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư (vốn chi đầu tư phát triển) và Sở Tài chính (vốn chi thường xuyên) xem xét, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

- Thẩm định các nhiệm vụ về Chuyển đổi số do các ngành, địa phương chủ trì thực hiện đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ trong Đề án đã được phê duyệt. Chủ động nắm bắt, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ của Đề án và phối hợp với các ngành, địa phương tìm phương

án giải quyết, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Đầu mối phối hợp với Bộ ngành Trung ương trong triển khai các nền tảng số quốc gia; kết nối, tích hợp các cơ sở dữ liệu quốc gia để thu nhận, chia sẻ các cơ quan sử dụng, cung cấp công khai và mở cho người dân, doanh nghiệp.

- Chủ trì tham mưu và tổ chức cung cấp thông tin phục vụ công tác tuyên truyền, định hướng và công khai kết quả triển khai thực hiện Đề án.

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy ngành công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả đáp ứng nhiệm vụ chuyển đổi số và phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Nghiên cứu xây dựng, đề xuất ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ cho các cán bộ tham mưu chuyển đổi số, vận hành hệ thống chính quyền số, thành phố thông minh, bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh truyền thông về nội dung và hiệu quả triển khai Đề án.

- Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành, huyện, thành phố thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện chuyển đổi số.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, bố trí nguồn kinh phí đầu tư (từ nguồn ngân sách tỉnh, trung ương...) để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh theo đề án được phê duyệt theo quy định, bảo đảm kinh phí hàng năm (bao gồm cả vốn thường xuyên) tối thiểu 1% ngân sách nhà nước cho chuyển đổi số, phát triển chính quyền điện tử, thành phố thông minh.

Tổ chức thực hiện, chịu trách nhiệm về kết quả chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực quản lý và tại cơ quan đơn vị.

4. Sở Tài chính

Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, trên cơ sở đề xuất dự toán kinh phí thực hiện các nội dung thuộc Đề án của các đơn vị, chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các đơn vị liên quan, tham mưu UBND tỉnh xem xét, bố trí kinh phí để thực hiện theo quy định; bảo đảm kinh phí hàng năm (bao gồm cả vốn chi đầu tư phát triển) tối thiểu 1% ngân sách nhà nước cho chuyển đổi số, phát triển chính quyền điện tử, thành phố thông minh.

Tổ chức thực hiện, chịu trách nhiệm về kết quả chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực quản lý và tại cơ quan đơn vị.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Ưu tiên phân bổ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho chuyển đổi số, chú trọng các nhiệm vụ có kinh phí đối ứng của doanh nghiệp và các công nghệ ưu tiên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư theo Quyết định số 2117/QĐ-TTg ngày 16/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tổ chức triển khai các chương trình hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo gắn với chuyển đổi số.

- Tham mưu sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính trong nghiên cứu, phát triển khoa học công nghệ gắn với tăng cường thực hiện mục tiêu chuyển đổi số.

6. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức phát động phong trào thi đua chuyển đổi số trong toàn tỉnh. Hàng năm lựa chọn, vinh danh, khen thưởng cho các điển hình tiên tiến về chuyển đổi số

- Đưa vào đánh giá thi đua khen thưởng trách nhiệm người đứng đầu về kết quả triển khai chuyển đổi số của ngành, địa phương mình.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức trong tỉnh.

- Tham mưu cho cấp có thẩm quyền thẩm định các nội dung liên quan đến việc rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị hoặc bổ sung chức năng, nhiệm vụ cho cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai chuyển đổi số.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, điều chỉnh, bổ sung vị trí việc làm công nghệ thông tin trong các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện thành phố.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông lồng ghép nội dung giáo dục về kiến thức, kỹ năng số vào chương trình cho học sinh từ lớp 8 trở lên và các cấp học thấp hơn; triển khai phổ cập kỹ năng số cho giáo viên, học sinh các cấp học, đặc biệt thanh thiếu niên tỉnh là lực lượng nòng cốt, hỗ trợ cho phụ huynh, người lớn tuổi.

- Xây dựng Kế hoạch triển khai Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” tỉnh Lai Châu.

8. Sở Công Thương

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan Chuyển đổi số trong lĩnh vực công nghiệp theo hướng chú trọng phát triển các trụ cột: xây dựng nhà máy thông minh, vận hành thông minh, tạo ra các sản phẩm thông minh.

- Tăng cường hỗ trợ, hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng thương mại điện tử, tham gia các sàn thương mại điện tử: Sendo, Voso, Tiki, Postmart, Lazada,...; xuất khẩu qua thương mại điện tử xuyên biên giới, Goonline, Online Friday,... để quảng bá, giới thiệu và xuất khẩu sản phẩm hàng hóa trên môi trường mạng. Ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm xuất khẩu có thế mạnh, các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP, các sản phẩm nông nghiệp nông thôn và các sản phẩm du lịch tiêu biểu của tỉnh.

9. Tỉnh đoàn Lai Châu

Tuyên truyền, hướng dẫn chuyển đổi số cho đoàn viên, thanh niên, xây dựng Đoàn thanh niên là lực lượng nòng cốt, xung kích, lan tỏa chuyển đổi số, xây dựng Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số.

10. Báo Lai Châu, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh và các cơ quan truyền thông trên địa bàn tỉnh

- Tuyên truyền chuyển đổi nhận thức của xã hội về chuyển đổi số thông qua các kênh truyền thông, chuyên trang, chuyên mục trên các chương trình truyền thanh, truyền hình.

- Truyền thông lan tỏa câu chuyện thành công, tôn vinh gương thành công điển hình về chuyển đổi số.

11. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan Đảng, đoàn thể, các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh

- Căn cứ nhiệm vụ được giao trong Đề án, triển khai xây dựng kế hoạch chi tiết chuyển đổi số ngành, địa phương, đơn vị phụ trách, trong đó xác định lộ trình, cân đối, phân kỳ nguồn lực đầu tư hợp lý để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ; lấy ý kiến của Sở Thông tin và Truyền thông trước khi ban hành.

- Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm về kết quả chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, địa bàn mình phụ trách.

- Bố trí tối thiểu 01 biên chế chuyên trách công nghệ thông tin nằm trong tổng biên chế.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị khác trong việc thực hiện các dự án liên ngành, liên vùng, đảm bảo tính đồng bộ, kết nối, liên thông.

- Triển khai hiệu quả Phần mềm CSDL và QLNN chuyên ngành, thiết lập CSDL dùng chung của đơn vị; tổ chức làm sạch, chia sẻ dữ liệu phục vụ chia sẻ

cho các cơ quan khác khai thác, sử dụng, đồng thời hỗ trợ, khuyến khích, thúc đẩy mở rộng Kho dữ liệu với dữ liệu cộng đồng.

- Định kỳ trước ngày 10/12 hàng năm báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông) tình hình, kết quả thực hiện.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung; các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tìm phương án giải quyết, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Các doanh nghiệp có phần vốn nhà nước chủ động đi đầu, làm nòng cốt trong áp dụng và thực hiện chuyển đổi số, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp và năng lực sản xuất kinh doanh.

12. Các doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh

- Triển khai chuyển đổi số cho doanh nghiệp mình và đề dẫn dắt các doanh nghiệp ngành nghề khác trên địa bàn tỉnh chuyển đổi số.

- Khuyến khích nghiên cứu, xây dựng các nền tảng, giải pháp công nghệ hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ; lên kế hoạch và tham gia hỗ trợ các doanh nghiệp ngành nghề khác và người dân, khách hàng của mình trong chuyển đổi số.

13. Các doanh nghiệp và cộng đồng xã hội

- Xây dựng và triển khai kế hoạch chuyển đổi số trong tổ chức, doanh nghiệp của mình. Thực hiện chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh thông qua việc tái tư duy hướng kinh doanh, tái đánh giá chuỗi giá trị, tái kết nối với khách hàng và từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp; khai thác tối đa Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và các nguồn lực khác để tăng cường đầu tư cho các hoạt động chuyển đổi số.

- Các Ngân hàng phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cùng các cơ quan liên quan đẩy mạnh thanh toán điện tử. Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn tỉnh phát triển thương mại điện tử.

- Cộng đồng dân cư, tổ dân phố, hộ gia đình, các tổ chức, cá nhân chủ động, tích cực nâng cao các kỹ năng ứng dụng công nghệ số, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số./.

BẢNG TỪ VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Ý nghĩa
1.	CNTT	Công nghệ thông tin
2.	ICT	Công nghệ thông tin và truyền thông (Information & Communication Technologies)
3.	CMCN	Cách mạng công nghiệp
4.	CQĐT	Chính quyền điện tử
5.	TPTM	Thành phố thông minh
6.	CSDL	Cơ sở dữ liệu
7.	TTHC	Thủ tục hành chính
8.	ATTT	An toàn thông tin
9.	UBND	Ủy ban nhân dân tỉnh
10.	HĐND	Hội đồng nhân dân

MỤC LỤC

BẢNG TỪ VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT.....	36
PHẦN I	1
SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN.....	1
I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN.....	1
II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN.....	2
1. Văn bản Trung ương.....	3
2. Văn bản của tỉnh.....	3
III. PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN.....	4
1. Phạm vi thực hiện.....	4
2. Thời gian thực hiện.....	4
PHẦN II.....	4
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TỈNH	4
I. THỰC TRẠNG	4
1. Về cơ chế, chính sách và tuyên truyền, nâng cao nhận thức liên quan đến chuyển đổi số.....	4
2. Về hạ tầng số.....	6
3. Về dữ liệu số.....	7
4. Về nền tảng số.....	8
5. Về ứng dụng và dịch vụ số.....	9
6. Về đảm bảo an toàn, an ninh mạng.....	10
7. Về nhân lực cho chuyển đổi số.....	12
II. ĐÁNH GIÁ CHUNG.....	12
1. Ưu điểm.....	12
2. Khó khăn, hạn chế.....	13
3. Nguyên nhân.....	13
PHẦN III.....	14
CHƯƠNG TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH LAI CHÂU ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030.....	14
I. MỤC TIÊU	14
1. Mục tiêu chung.....	14
2. Mục tiêu cụ thể.....	14
II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM.....	18
1. Nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số.....	18
2. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển chính quyền số.....	24
3. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số.....	25
4. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển xã hội số.....	26
5. Một số lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số.....	26

6. Đảm bảo nguồn lực chuyển đổi số.....	30
III. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN	30
IV. KHÁI TOÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN.....	30
PHỤ LỤC 01: Danh mục nhiệm vụ, dự án trọng tâm thực hiện đề án chuyển đổi số tỉnh lai châu giai đoạn 2021-2025 sử dụng vốn đầu tư.	31
PHỤ LỤC 02: Danh mục nhiệm vụ, dự án trọng tâm thực hiện đề án chuyển đổi số tỉnh lai châu giai đoạn 2021-2025 sử dụng vốn sự nghiệp.	31
PHỤ LỤC 03: Danh mục nhiệm vụ, dự án trọng tâm thực hiện đề án chuyển đổi số tỉnh lai châu giai đoạn 2021-2025 sử dụng vốn doanh nghiệp, xã hội hóa.	31
V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	31
1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu.....	31
2. Sở Thông tin và Truyền thông	31
3. Sở Kế hoạch và Đầu tư.....	32
4. Sở Tài chính	32
5. Sở Khoa học và Công nghệ.....	33
6. Sở Nội vụ	33
7. Sở Giáo dục và Đào tạo	33
9. Tỉnh đoàn Lai Châu	34
10. Báo Lai Châu, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh và các cơ quan truyền thông trên địa bàn tỉnh	34
11. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan Đảng, đoàn thể, các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.....	34
12. Các doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh.....	35
13. Các doanh nghiệp và cộng đồng xã hội	35